

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1229/UBND-NC

Quảng Bình, ngày 22 tháng 8 năm 2017

V/v sắp xếp, bố trí mạng lưới trường,  
lớp học năm học 2017-2018

<b>SỞ NỘI VỤ QUẢNG BÌNH</b>	
Số: <u>4105</u>	
<b>ĐẾN</b> Ngày: <u>22/8/17</u>	
Chức vụ: <u>Trưởng phòng</u>	
Lưu hồ sơ số: <u>.....</u>	

Kính gửi:

- Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Để từng bước thực hiện hiệu quả sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế;

Sau khi xem xét kết quả rà soát, sắp xếp mạng lưới trường học, lớp học năm học 2017-2018 của Sở Nội vụ và Sở Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1229/UBND-NC ngày 11/7/2017; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung sau:

1. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chịu trách nhiệm bố trí quy mô, mạng lưới trường học, lớp học năm học 2017-2018 theo kết quả đã được rà soát, cụ thể theo phụ lục đính kèm (*Phụ lục bố trí quy mô, mạng lưới trường, lớp học năm học 2017-2018 của các đơn vị, địa phương*).

b) Cân đối trong tổng biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo được giao để xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức phù hợp, chỉ để tỷ lệ biên chế dự phòng dao động từ 2% đến 5% và đảm bảo số lượng tinh giản biên chế theo quy định; có kế hoạch điều chuyển giáo viên từ những nơi giảm lớp đến những nơi tăng lớp do tăng số học sinh trong năm học 2017-2018. Trường hợp đơn vị, địa phương thừa giáo viên không thể bố trí được sau khi sắp xếp thì tổng hợp gửi Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều chuyển.

c) Hoàn thành xây dựng kế hoạch, lộ trình sáp nhập các trường học có quy mô nhỏ, lệ thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị, địa phương mình theo yêu cầu tại Công văn số 1229/UBND-NC ngày 11/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về

việc kịp thời sắp xếp mạng lưới, trường, lớp học, thực hiện tinh giản và quản lý biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo, chậm nhất vào 30/7/2018.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện sắp xếp, bố trí mạng lưới trường học, lớp học. Đồng thời căn cứ quy mô trường học, lớp học để tham mưu, trình UBND tỉnh quyết định giao biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo cho các đơn vị, địa phương năm 2018 đảm bảo đúng quy định và theo lộ trình tinh giản biên chế đã được phê duyệt.

Yêu cầu Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp chung, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy; | B/c
- Thường trực HĐND tỉnh; |
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hoài



Phụ lục  
**MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC, LỚP HỌC NĂM HỌC 2017-2018**

TT	Đơn vị	Nội dung	Quy mô Năm học 2017-2018			Ghi chú
			Trường	lớp	Học sinh	
1	Sở Giáo dục và đào tạo	Trường Trung học Phổ thông	27	713	28400	
		Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông	5	98	3486	
2	UBND huyện Minh Hóa	Trường Trung học cơ sở	9	68	1977	
		Trường Tiểu học	18	197	4097	
		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở	6	112	1820	
		Trường Mầm non	20	243	4761	
3	UBND huyện Bố Trạch	Trường Trung học cơ sở	30	325	11190	
		Trường Tiểu học	41	580	14513	
		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở	4	45	780	
		Trường Mầm non	34	420	12653	
4	UBND thị xã Ba Đồn	Trường Trung học cơ sở	17	190	6697	
		Trường Tiểu học	24	325	8583	
		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở	0	0	0	
		Trường Mầm non	16	217	6498	
5	UBND huyện Tuyên Hóa	Trường Trung học cơ sở	17	148	4458	
		Trường Tiểu học	26	282	6320	
		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở	3	36	551	
		Trường Mầm non	25	219	5644	
6	UBND huyện Lệ Thủy	Trường Trung học cơ sở	23	234	8090	
		Trường Tiểu học	32	411	10602	
		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở	6	85	1570	
		Trường Mầm non	29	314	9315	
7	UBND TP Đồng Hới	Trường Trung học cơ sở	17	200	7452	
		Trường Tiểu học	22	344	10953	
		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở	0	0	0	
		Trường Mầm non	16	203	7566	
8	UBND huyện Quảng Ninh	Trường Trung học cơ sở	16	168	5115	
		Trường Tiểu học	21	265	6935	
		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở	0	0	0	
		Trường Mầm non	15	219	6416	
9	UBND huyện Quảng Trạch	Trường Trung học cơ sở	18	187	6436	
		Trường Tiểu học	24	345	9118	
		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở	0	0	0	
		Trường Mầm non	18	254	7925	
<b>Tổng</b>			<b>579</b>	<b>7447</b>	<b>219921</b>	

